

Bản án số: 281/2025/DS-ST
Ngày: 14 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương;

Bà Võ Thị Lãnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Phú Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 575/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 445/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồ Hải T; Địa chỉ: 1 P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - **Có mặt.**

- Bị đơn: Ông Trần Sĩ N và bà Phạm Thị Trúc L; Cùng địa chỉ: E Khu phố B, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh - **Vắng mặt.**

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q; Địa chỉ: P Tòa nhà T, Số A H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền số công chứng: 003744, quyền số 09, lập ngày 14 tháng 9 năm 2024 tại Văn phòng C1) - **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Hồ Hải T là nguyên đơn trình bày:

Năm 2011, do tình hình kinh doanh khó khăn nên ông Trần Sĩ N và bà Phạm Thị Trúc L có liên hệ ông Nguyễn Hồ Hải T để hỏi vay tiền. Ông T đã đồng ý cho ông Trần Sĩ N, bà Phạm Thị Trúc L vay 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) với điều kiện là ông N, bà L phải có tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay.

Vì vậy, ngày 04/11/2011, ông N, bà L đã công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T để làm tin đối với thửa đất số 505, tờ bản đồ số 53, tọa lạc

tại phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH0072 do U cấp ngày 04/02/2010.

Sau đó, ngày 05/11/2011, ông T và ông N, bà L lập Giấy vay tiền có nội dung: Ông T đồng ý cho ông N, bà L vay 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, kèm theo cam kết trong thời hạn 03 tháng, ông T không được quyền đăng bộ sang tên, nếu ông T bán cho người khác thì phải báo trước cho ông N, bà L. Lãi suất vay thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Số tiền vay được giao thành 03 lần: Ngày 04/11/2011 giao 2.550.000.000 đồng, ngày 05/11/2011 giao 200.000.000 đồng, ngày 08/11/2011 giao 250.000.000 đồng. Số tiền này do ông N và bà Lê C ký nhận. Kể từ khi nhận tiền vay, ông N, bà L chưa trả cho ông T bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào.

Đến tháng 5/2013, sau nhiều lần liên lạc với ông N, bà L không được, ông T mới tiến hành các thủ tục đăng bộ, thực hiện các nghĩa vụ liên quan về thuế để sang tên ông T. Sau đó, dưới áp lực của các chủ nợ mà ông T đã vay tiền để cho ông N, bà L vay, nên vào tháng 8/2013 ông T đã thế chấp thửa đất trên để vay ngân hàng. Do làm ăn thất bại, mất khả năng thanh toán tiền lãi và gốc cho ngân hàng nên ông phải bán đất để trả nợ.

Sau một thời gian dài, ông T được biết ông bà Trần Sĩ N, Phạm Thị Trúc L khởi kiện ông T yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông bà Trần Sĩ N, Phạm Thị Trúc L với ông T.

Tại Bản án sơ thẩm số 108/2022/DSST của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án phúc thẩm số 650/2022/DS-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà Trần Sĩ N, Phạm Thị Trúc L. Theo đó, Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng của ông bà Trần Sĩ N, Phạm Thị Trúc L cho ông T và các hợp đồng ông T đã chuyển nhượng là vô hiệu. Bản án phúc thẩm đã tách tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Hồ Hải T và ông Trần Sĩ N, bà Phạm Thị Trúc L ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Như vậy, ông N và bà L được lấy lại quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng nhưng vẫn không trả cho ông T số tiền 3.000.000.000 đồng đã vay.

Theo quy định của pháp luật thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Theo đó, ông thấy rằng thời điểm bắt đầu ngày đầu tiên của thời hiệu khởi kiện cần được xác định từ ngày 16/09/2022, là ngày Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 650/2022/DS-PT về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông Trần Sĩ N1, bà Phạm Thị Trúc L (nguyên đơn) và ông Nguyễn Hồ Hải T (bị đơn). Khi bản án phúc thẩm có hiệu lực, tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 505, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại phường A, Quận A có số công chứng 010849 tại Văn phòng C2 và những hợp đồng có liên quan khiến cho quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm nên đến thời điểm ông khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc ông Trần Sĩ N, bà Phạm Thị Trúc L phải **liên đới** hoàn trả cho ông Nguyễn Hồ Hải T số tiền đã vay là 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng);

- Theo thỏa thuận giữa hai bên thì lãi suất vay là 05%/tháng, đúng như lời thừa nhận của ông N và bà L tại 02 bản án nêu trên. Do ông N và bà L chưa trả lãi nên ông T yêu cầu ông Trần Sĩ N, bà Phạm Thị Trúc L phải **liên đới** trả tiền lãi **từ ngày 09/11/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/5/2025** gồm lãi nợ gốc trong hạn, lãi nợ gốc quá hạn, lãi

chậm trả theo mức lãi suất quy định của pháp luật và ông chỉ yêu cầu trả số tiền lãi là 8.100.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Sĩ N và bà Phạm Thị Trúc L do bà Nguyễn Thị Ngọc Q là người đại diện theo ủy quyền không đến Tòa án để làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày trong đơn đề nghị áp dụng thời hiệu:

Ngày 06/10/2023, ông Nguyễn Hồ Hải T nộp đơn khởi kiện ông Trần Sĩ N và bà Phạm Thị Trúc L với yêu cầu buộc ông bà Trần Sĩ N, Phạm Thị Trúc L phải hoàn trả cho ông T số tiền đã nhận theo Giấy vay tiền ngày 05/11/2011 được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số đất số 505, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại phường A, Quận A, tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng và buộc ông bà Trần Sĩ N, Phạm Thị Trúc L phải trả toàn bộ lãi trong hạn và lãi quá hạn do không trả nợ đúng hạn như cam kết tại Giấy vay tiền ngày 05/11/2011. Ngày 20/10/2023, Tòa án nhân dân Quận 12 thụ lý vụ án dân sự số 575/2023/TLST-DS về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hồ Hải T.

Như vậy, ông T khởi kiện ông N, bà L tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Giấy vay tiền ngày 05/11/2011. Tại Giấy vay tiền ngày 05/11/2011 có thời hạn vay tiền là 03 tháng, ngày đến hạn trả nợ là ngày 05/02/2012, do đó thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản được tính từ ngày 06/02/2012. Theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đến ngày 06/10/2023 ông T mới nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Nguyễn Hồ Hải T và ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hồ Hải T với bị đơn ông Trần Sĩ N và bà Phạm Thị Trúc L do bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu và thời hiệu khởi kiện đã hết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác minh, thu thập chứng cứ; cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn; chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả số tiền đã nhận theo giấy vay tiền ngày 05/11/2011 là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và lãi từ ngày 09/11/2011 tạm tính đến ngày 14/5/2025 là 8.100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện ông Trần Sĩ N và bà Phạm Thị Trúc L có ký “Giấy vay tiền” ngày 05/11/2011 của ông Nguyễn Hồ Hải T. Nguyên đơn cho rằng do phía bị đơn không trả nợ nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, xác định đây là

vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo địa chỉ trong giấy vay tiền và xác minh của Công an phường A, Quận A thì ông Trần Sĩ N và bà Phạm Thị Trúc L thực tế cư trú tại địa chỉ E Khu phố B, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, ông Trần Sĩ N và bà Phạm Thị Trúc L do bà Nguyễn Thị Ngọc Q là người đại diện theo ủy quyền đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại **khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự**. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại **điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228** của Bộ luật tố tụng dân sự và lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại **khoản 2 Điều 92** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 05/11/2011, ông Nguyễn Hồ Hải T và ông Trần Sĩ N, bà Phạm Thị Trúc L ký kết giấy vay tiền về việc ông N và bà L có vay của ông T số tiền 03 tỷ đồng, thời hạn vay là 03 tháng. Trước đó, vào ngày 04/11/2011, thì hai bên đã ký hợp đồng công chứng về việc ông N, bà L chuyển nhượng cho ông T quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 505 tờ bản đồ số 53, tại phường A, Quận A. Năm 2017, ông N và bà L đã khởi kiện ông T tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại bản án sơ thẩm số 108/2022/DSST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án phúc thẩm số 650/2022/DS-PT ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định hai bên vay tiền và hình thức bảo đảm là ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Việc ký hợp đồng chuyển nhượng là hình thức che đậy cho hợp đồng vay tiền nên đã tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là vô hiệu và tách tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa ông T với ông N, bà L để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Ngày 06/10/2023, ông T nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông N và bà L tại Tòa án nhân dân Quận 12 yêu cầu trả tiền gốc và lãi đối với số nợ nêu trên. Như vậy, đối với số nợ gốc, theo quy định khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Đối với yêu cầu trả lãi, theo trình bày của nguyên đơn, ngày 16/9/2022 (ngày ban hành bản án dân sự phúc thẩm số 650/2022/DS-PT), Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu thì nguyên đơn mới biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại hợp đồng vay ngày 05/11/2011 bị xâm phạm là có cơ sở. Hơn nữa, theo 02 bản án nêu trên, trong đó, bản án sơ thẩm số 108/2022/DSST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông Trần Sĩ N có mặt tại phiên tòa đã thừa nhận ông N và bà L vay số tiền 03 tỷ đồng của ông T, thỏa thuận lãi suất 05%/tháng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 157 của Bộ luật dân sự, thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại. Hội đồng xét xử thấy rằng, ngày 06/10/2023 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[5] Về yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 03 tỷ đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định, ngày 05/11/2011 ông Trần Sĩ N và bà Phạm Thị Trúc L có vay của ông Nguyễn Hồ Hải T số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Việc giao tiền thực

hiện làm 03 lần: ngày 04/11/2011 giao: 2.550.000.000 đồng, ngày 05/11/2011 giao 200.000.000 đồng và ngày 08/11/2011 giao 250.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, đến nay chưa trả gốc và lãi, nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ông Nguyễn Hồ Hải T yêu cầu ông Trần Sĩ N và bà Phạm Thị Trúc L phải **liên đới** trả số tiền 03 tỷ đồng đã vay là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về lãi suất và số tiền lãi:

[6.1] Về lãi suất theo thỏa thuận của các đương sự: Tuy trong giấy vay tiền ngày 05/11/2011 hai bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng theo bản án dân sự phúc thẩm số 650/2022/DS-PT, phía bị đơn đã thừa nhận lãi suất hai bên thỏa thuận là 05%/tháng. Lãi suất này cũng được nguyên đơn thừa nhận nên có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền có lãi và mức lãi suất là 05%/tháng, tương ứng 60%/năm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng N2 công bố đối với loại cho vay tương ứng. Căn cứ quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N2 thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm, nên mức lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 13,5%/năm tính từ thời điểm vay đến ngày 31/12/2016. Từ ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật) thì mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, mức lãi suất do các bên thỏa thuận cần điều chỉnh lại theo đúng quy định của pháp luật.

[6.2] Thời gian tính lãi và lãi suất theo quy định của pháp luật: Do đến ngày 08/11/2011, bị đơn mới nhận đủ số tiền 03 tỷ đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ ngày 09/11/2011 **đến ngày xét xử sơ thẩm 14/5/2025** theo mức lãi suất quy định của pháp luật trên số tiền nợ gốc 03 tỷ đồng là có lợi cho bị đơn. Như vậy, từ ngày 09/11/2011 đến ngày 09/02/2012 cần áp dụng mức lãi suất trong hạn 13,5%/năm. Từ ngày 10/02/2012 đến ngày 31/12/2016, căn cứ vào khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị đơn **phải trả nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản** của Ngân hàng N2 công bố là 09%/năm. Từ ngày 01/01/2017 đến ngày **14/5/2025**, căn cứ khoản 1 Điều 468 và điểm b khoản 5 Điều 466 thì mức lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng, tương ứng là 30%/năm và lãi trên nợ lãi trong hạn 10%/năm.

[6.3] Số tiền lãi trong hạn và quá hạn theo quy định của pháp luật:

Tiền lãi trong hạn từ ngày 09/01/2011 đến ngày 09/02/2012: 03 tháng x $(13,5\%/12) \times 03 \text{ tỷ đồng} = 101.250.000 \text{ đồng (1)}$.

Tiền lãi quá hạn từ ngày 10/02/2012 đến ngày 31/12/2016: $(58 \text{ tháng} \times (9\%/12) \times 03 \text{ tỷ đồng}) + (20 \text{ ngày} \times (9\%/365) \times 03 \text{ tỷ đồng}) = 1.305.000.000 \text{ đồng} + 14.794.520 \text{ đồng} = 1.319.794.520 \text{ đồng (2)}$.

Tiền lãi quá hạn từ ngày 01/01/2017 **đến ngày 14/5/2025**: $(100 \text{ tháng} \times (30\%/12) \times 03 \text{ tỷ đồng}) + (14 \text{ ngày} \times (30\%/365) \times 03 \text{ tỷ đồng}) = 7.500.000.000 \text{ đồng} + 34.520.547 \text{ đồng} = 7.534.520.548 \text{ đồng (3)}$.

Tiền lãi trên nợ lãi trong hạn từ ngày 09/01/2011 đến ngày 09/02/2012: 03 tháng x $(10\%/12) \times 101.250.000 \text{ đồng} = 2.531.250 \text{ đồng (4)}$.

Tổng số tiền lãi **đến ngày 14/5/2025** là: $(1)+(2)+(3)+(4) = 8.958.096.318 \text{ đồng}$.

[6.4] Về số tiền lãi bị đơn phải trả theo yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 09/11/2011 đến ngày **14/5/2025** trên số nợ

gốc 03 tỷ đồng với số tiền lãi 8.100.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần buộc ông Trần Sĩ N và bà Phạm Thị Trúc L phải **liên đới** trả cho ông Nguyễn Hồ Hải T số tiền vay và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là: 3.000.000.000 đồng + 8.100.000.000 đồng = 11.100.000.000 đồng (Mười một tỷ, một trăm triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 285, Điều 290; Điều 471, Điều 474; Điều 476; Điều 78 của Bộ luật Dân sự năm 2005

Căn cứ vào khoản 2 Điều 155, Điều 157, Điều 357; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồ Hải T:

Buộc ông Trần Sĩ N và bà Phạm Thị Trúc L phải **liên đới** trả cho ông Nguyễn Hồ Hải T số tiền còn nợ là: 11.100.000.000 đồng (Mười một tỷ, một trăm triệu đồng), trong đó: Số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng đồng), tiền lãi từ ngày 09/11/2011 đến ngày **14/5/2025** là 8.100.000.000 đồng (Tám tỷ, một trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 119.100.000 đồng (Một trăm mười chín triệu, một trăm nghìn đồng) do ông Trần Sĩ N và bà Phạm Thị Trúc L **liên đới** chịu;

2.2. Trả lại cho ông Nguyễn Hồ Hải T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 48.062.500 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng) theo Biên lai thu số 0030853 ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp